

Bản án số: 416/2022/HSPT

Ngày: 21-6-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Văn

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Công Mười

Ông Chung Văn Kết

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Diệu Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hậu, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 534/2021/TLPT-HS ngày 11 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc H do có kháng cáo của bị cáo, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2021/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 246/2022/QĐPT-HS ngày 20 tháng 4 năm 2022.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1969 tại thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: đường số 5, Khu phố M, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc N và bà Nguyễn Thị T; vợ: Trần Thị Yến N; con: có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 05 tháng 4 năm 2021 cho đến nay; có mặt;

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trần Duyên Anh - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt;

- Bị hại: Nguyễn Hoàng E, sinh năm 1982; Nguyễn Thị N, sinh năm 1982; Cùng cư trú: ấp 1, thị trấn N, huyện A, tỉnh Hậu Giang, (Bà Nga ủy quyền cho ông E tham gia tố tụng); vắng mặt;

- Người làm chứng:

1. Ngô Văn D, sinh năm 1965; Nơi cư trú: ấp Bình Thuận, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre; vắng mặt;

2. Trần Quốc V, sinh năm 1964; Nơi cư trú: ấp T 3, xã Bình Thắng, huyện B, tỉnh Bến Tre; vắng mặt;

3. Phạm Văn C, sinh năm 1952; nơi cư trú: ấp T 2, xã Đông thanh, huyện G, tỉnh Long An; vắng mặt;

4. Ông Bùi Tấn Đ, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp 2, xã Bình Thắng, huyện B, tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhận dân tỉnh Bến Tre và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 05 tháng 6 năm 2020, Nguyễn Ngọc H ký hợp đồng kinh tế với Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh xây dựng CK để thi công công trình bơm hút cát và nạo vét bùn thông luồng tại Cảng cá B, huyện B, tỉnh Bến Tre. Ngày 03 tháng 7 năm 2020, Nguyễn Ngọc H ký hợp đồng thi công lại công trình với Nguyễn Hoàng E sinh năm 1982, trú tại ấp 1B, thị trấn N, huyện A, tỉnh Hậu Giang. Theo nội dung hợp đồng giữa Nguyễn Hoàng E và Nguyễn Ngọc H: thời hạn hoàn thành công trình là 25 ngày, kể từ ngày 05/7/2020; giá trị hợp đồng là 350.000.000 đồng. Sau khi ký kết hợp đồng, Nguyễn Hoàng E đưa tàu sắt (xà lan) - loại tàu hút bùn, số hiệu Hgi-4271 đến thi công; H đã tạm ứng cho Hoàng E số tiền 95.000.000 đồng.

Do lòng sông tại khu vực thi công có nhiều chất thải rắn (vỏ xe, dây nhựa, sỏi, đá), nên Hoàng E thi công không hoàn thành tiến độ theo hợp đồng. Sau đó H nhiều lần điện thoại đôn đốc Hoàng E đảm bảo tiến độ thi công hoàn thành công trình, nhưng Hoàng E không thực hiện theo yêu cầu của Huy. Ngày 12 tháng 10 năm 2020, Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh xây dựng CK thanh lý hợp đồng với Nguyễn Ngọc H, do chậm trễ tiến độ thi công, không có khối lượng nghiệm thu công trình. Theo bản thanh lý hợp đồng thì mọi chi phí đã phát sinh trong quá trình thi công công trình do Nguyễn Ngọc H chịu trách nhiệm. H cho rằng Nguyễn Hoàng E gây thiệt hại, nên nảy sinh ý định lấy chiếc tàu sắt của Hoàng E.

Ngày 18 tháng 10 năm 2020, Nguyễn Ngọc H đến khu vực công trình, biết chiếc tàu sắt của Nguyễn Hoàng E neo đậu tại bến tàu của gia đình ông Trần Quốc V, ấp T 3, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre không có người trông coi (Hoàng E và người giữ tàu về quê ở tỉnh Hậu Giang). H điện thoại cho ông Phạm Văn C là người quen để hỏi giá trị chiếc tàu và nhờ tìm người để thuê kéo tàu, nhưng ông C từ chối. Sau đó, H đến khu vực Cảng cá B gặp anh Bùi Tấn Đ nhờ thuê người kéo tàu. H đưa Đạt đến bến nhà ông Việt, H nói tàu bị hư hỏng số

không hoạt động được nên kéo về Long An để sửa chữa. Anh Đ giới thiệu người quen là Trần Hùng P trú tại huyện C, tỉnh Long An. H đồng ý thuê và đưa anh P đến huyện B để kéo tàu sắt của Hoàng E đi huyện G, tỉnh Long An với giá 10 triệu đồng. Đêm 18 rạng 19 tháng 10 năm 2020, chờ nước lớn, anh P kéo tàu sắt Hgi-4271 từ xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre đến cơ sở sửa chữa tàu thủy của anh P, thuộc ấp T 1, xã Đ, huyện G, tỉnh Long An. H thuê anh P sơn lại tàu giống màu sơn cũ và liên lạc qua Zalo nhờ ông Ngô Văn D tìm người để bán chiếc tàu. Trong thời gian này, H gửi tàu sắt tại cơ sở sửa chữa tàu của anh P.

Sau khi nhận tin báo của ông Trần Quốc V về việc chiếc tàu sắt bị mất, Nguyễn Hoàng E đã điện thoại hỏi H có lấy tàu không, H nói không lấy và không biết việc tàu bị mất, Hoàng E tổ chức tìm kiếm tàu và gửi đơn tố giác đến cơ quan có thẩm quyền.

Ngày 31 tháng 01 năm 2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra phát hiện, thu giữ chiếc tàu sắt và toàn bộ tài sản trên tàu của Nguyễn Hoàng E tại cơ sở sửa chữa tàu của P.

Vật chứng thu giữ gồm:

- Tạm giữ của Nguyễn Ngọc H: 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG, gắn số sim 0913729457 và 0906730736 (đã được niêm phong);

- Tạm giữ của Phạm Văn C: 01 điện thoại di động hiệu OPPO A31, gắn số sim 0937102932 (đã được niêm phong);

- Thu giữ tài sản Nguyễn Ngọc H chiếm đoạt của Nguyễn Hoàng E: 01 tàu sắt loại xà lan, sơn màu xanh, số đăng ký Hgi-4271; 01 máy gắn phía trước tàu hiệu HINO và MODEL 12V 135ACO 1B35; 01 hộp số màu xanh gắn liền với máy này và 01 dàn cầu trợ lực; 01 máy gắn phía sau tàu hiệu MITSUBISHI và số 4D32-740453; 01 hộp số gắn liền với máy này; 01 máy xăng hiệu HONDA; 03 vỏ bình gas có chữ “Gia đình gas 13,6”, “PETROVIETNAM 13,4”; “V-GAS 13,3”, bình đã hết gas; 01 vỏ bình Oxy đã hết oxy; 01 Palang (bả lan).

Bản kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐĐG ngày 24/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản tỉnh Bến Tre kết luận: tổng giá trị tài sản Nguyễn Ngọc H chiếm đoạt của Nguyễn Hoàng E, xảy ra ngày 19/10/2020 tại ấp T 3, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre là 554.498.000 đồng (năm trăm năm mươi bốn triệu, bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Tại Bản cáo trạng số 41/CT-VKS-P1 ngày 16/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc H phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự;

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2021/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã tuyên xử như sau:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc H phạm tội “Tội trộm cắp tài sản”;

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H 12 (mười hai) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày 05/4/2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn kháng cáo theo luật định.

- Ngày 30/9/2021 bị cáo Nguyễn Ngọc H làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, cho rằng mình bị oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Ngọc H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Để có căn cứ buộc tội bị cáo cần làm rõ những nội dung sau: Theo bị cáo khai trước khi kéo ghe đi bị cáo đã xuống nhà gặp anh Hoàng E và vợ anh Em yêu cầu kéo ghe mức bùn đi và trả lại tiền tạm ứng – cần đổi chất làm rõ lời khai này. Cần làm rõ Đoàn biên phòng Cảnh sát B việc bị cáo có liên hệ gặp anh T để xin gửi ghe mức cát (*sà lan*) nhưng anh T không đồng ý.

Anh Phạm Văn C thừa nhận do chủ sửa chữa tàu thủy anh P không đồng ý cho gởi nên anh C buộc phải thuê anh P sơn lại tàu, việc sơn lại tàu không phải bị cáo H yêu cầu – làm rõ ai yêu cầu sơn lại vỏ tàu, bị cáo H hay anh C?

Việc định giá tài sản cần yêu cầu hội đồng định giá giải thích giá trị *sà lan* mà Hội đồng định giá đã định đó là giá trị còn lại tại thời điểm định giá? Vậy giá trị ban đầu của chiếc *Sà lan* là bao nhiêu? Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ vụ án và chuyển hồ sơ về cấp sơ thẩm điều tra xét xử lại theo quy định pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc H cho rằng việc định giá tài sản là không khách quan, bị cáo đã xuống nhà gặp anh Hoàng E và vợ anh Em yêu cầu kéo ghe mức bùn đi và trả lại tiền tạm ứng, nhưng anh Em không làm, anh Phạm Văn C thừa nhận do chủ sửa chữa tàu thủy anh P không đồng ý cho gởi nên anh C buộc phải thuê anh P sơn lại tàu, việc sơn lại tàu không phải bị cáo H yêu cầu. Do vậy, chưa đủ yếu tố tuyên bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”, đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ vụ án và chuyển hồ sơ về cấp sơ thẩm điều tra xét xử lại theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Theo như án sơ thẩm bị cáo Nguyễn Ngọc H biết chiếc tàu sắt của Nguyễn Hoàng E đang neo đậu tại bến tàu của gia đình ông Trần Quốc V không có người trông coi nên H thuê người kéo tàu sắt đi, sau đó thuê người sơn lại vỏ tàu và liên lạc nhờ anh Ngô Văn D tìm người để bán chiếc tàu, nên tuyên buộc bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ lời khai của bị cáo, lời trình bày của nhân chứng Chính tại phiên tòa và các chứng cứ có tại hồ sơ. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Ngày 05/6/2020 Nguyễn Ngọc H ký hợp đồng với Công ty cổ phần kinh doanh xây dựng CK để thi công bơm hút cát và nạo vét bùn thông luồng tại Cảng cá B – Bến Tre giá trị hợp đồng là 570 triệu đồng. Ngày 03/7/2020 Nguyễn Ngọc H ký hợp đồng với Nguyễn Hoàng E, để ông Em thi công nạo vét bùn, thông luồng, giá trị hợp đồng là 350 triệu đồng, thời gian thi công là 25 ngày, bị cáo H ứng trước cho anh Hoàng E 110.000.000 đồng (*trong đó có 15.000.000 đồng chi phí đưa tàu sắt từ Hậu Giang lên*). Dựa theo hợp đồng thì ngày 28/7/2010 Nguyễn Hoàng E làm xong, tuy nhiên đến ngày 12/10/2020 (*chậm hơn 3 tháng*) Nguyễn Hoàng E không thực hiện đúng theo hợp đồng, cho thấy Nguyễn Hoàng E không có năng lực để thực hiện công việc đã ký, không có máy móc để nạo vét nên Hoàng E tìm gặp Ngô Văn D thuê máy móc vào nạo vét bùn cát, Ngô Văn D yêu cầu công ty bị cáo H ký trực tiếp với Ngô Văn D, không ký với Hoàng E, Ngô Văn D đưa phương tiện thi công với số tiền là 67.000.000 đồng, Hoàng E không trả tiền cho ông D nên bị cáo H trả cho ông D 42.000.000 đồng còn nợ ông D 25.000.000 đồng. Như vậy số tiền bị cáo H ứng cho Hoàng E và trả nợ thay cho Hoàng E với tổng số tiền là 152.000.000 đồng (*bao gồm 95.000.000 đồng ứng trước, 15.000.000 đồng tiền để cho Hoàng E vận chuyển ghe sắt từ Hậu Giang lên và 42.000.000 đồng trả cho ông D thay cho Hoàng E*) hiện tại số tiền trên Hoàng E vẫn chưa trả lại cho bị cáo Huy. Tòa phúc thẩm đã nhiều lần triệu tập nhưng bị hại Hoàng E đều vắng mặt không lý do.

[2] Bị cáo H có nhờ ông Ngô Văn D bán chiếc tàu sắt này không? Tại sao không nhờ người khác mà nhờ Ngô Văn D? Hồ sơ cho thấy Ngô Văn D là người Hoàng E thuê nạo vét, hút bùn (*thông qua Công ty bị cáo H ký hợp đồng với ông Ngô Văn D*) giá trị ông D thi công 67.000.000 đồng Hoàng E không có trả, bị cáo H trả thay 42.000.000 đồng còn 25.000.000 đồng không có trả, ông D đòi liên tục, bị cáo H nói chỉ còn chiếc tàu sắt của Huy, nếu ông D bán được trừ nợ chứ bị cáo cũng không có tiền trả thay cho Hoàng E, lời khai của bị cáo ở tình tiết này phù hợp với diễn biến khách quan của vụ án và tính logic của sự việc.

- Tại phiên tòa ngày 11/5/2022 ông Phạm Văn C khai do chủ sửa chữa tàu không đồng ý cho gởi nếu không sửa chữa, nên ông nhờ anh P sơn lại vỏ tàu hết 2.000.000 đồng, không phải bị cáo H yêu cầu sơn lại tàu.

Từ phân tích trên cho thấy việc bị cáo H lấy tàu sắt đem đi sơn lại nhằm thay hình đổi dạng và liên lạc với Ngô Văn D để bán chiếc tàu sắt nhận định này là không phù hợp với lời khai của nhân chứng và diễn biến của vụ án.

[3] Vấn đề đặc ra bị cáo H kéo chiếc tàu sắt đi để làm gì có nhằm mục đích chiếm đoạt chiếc tàu trên không, tại sao không kéo tàu đi trước ngày 12/10/2020.

Hồ sơ cho thấy do không thi công đúng thời gian như hợp đồng đã ký, ngày 12/10/2020 Công ty Cổ phần đầu tư kinh doanh xây dựng CK thanh lý hợp

đồng với Công ty của bị cáo H và yêu cầu đưa tàu ra khỏi vị trí để Công ty CK đưa phương tiện khác vào thi công. Do đó việc đưa tàu sắt đi trả mặt bằng cho Công ty CK là yêu cầu khách quan.

Khi kéo tàu đi bị cáo có thông báo cho Hoàng E biết không. Bị cáo H khai bị cáo xuống nhà gặp vợ chồng Hoàng E yêu cầu kéo tàu đi và trả lại tiền đã ứng. Do Hoàng E không kéo tàu đi nên bị cáo liên hệ Đoàn biên phòng Cảng cá B gặp anh T để xin gởi tàu sắt nhưng anh T không đồng ý. Cần xác minh đối chất làm rõ những nội dung này từ đó mới có chứng cứ đánh giá ý thức chiếm đoạt của bị cáo Huy.

[4] Về định giá chiếc tàu sắt (Sà lan) anh Hoàng E khai khi đóng tàu sắt anh tự mua thiết bị, công cụ, máy móc, không có ký hợp đồng với đơn vị nào, không có hóa đơn chứng từ chứng minh giá trị đã đầu tư. Hội đồng định tài sản tỉnh Bến Tre kết luận giá trị của chiếc tàu sắt là 554.498.000 đồng nhưng không kết luận rõ đây là giá trị tài sản (*chiếc tàu sắt*) còn lại sau khi đã khấu hao hay đây là giá trị đầu tư.

[5] Để có căn cứ buộc bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” cần phải điều tra làm rõ các nội dung sau:

- Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh xây dựng CK có yêu cầu Nguyễn Ngọc H kéo tàu sắt ra khỏi vị trí thi công sau khi ký biên bản thanh lý hợp đồng không?

- Trước khi thuê anh Bùi Tấn Đ kéo tàu sắt đi bị cáo H có liên hệ anh T cán bộ Đoàn biên phòng Cảng cá B xin gởi tàu sắt của Hoàng E tại Cảng cá không?

- Cần làm biên bản đối chất giữa bị cáo H và vợ chồng Hoàng E về việc bị cáo H điện thoại và xuống nhà gặp vợ chồng Hoàng E yêu cầu kéo tàu sắt đi và trả lại tiền ứng trước khi thuê người kéo sà lan đi.

- Định giá lại tài sản, cần xác định rõ giá nguyên thủy và giá trị còn lại (*sau khấu hao*) của chiếc tàu sắt.

Từ những phân tích trên cho thấy đại diện Viện kiểm sát cấp cao đề nghị hủy án để điều tra lại là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Do bản án sơ thẩm bị hủy nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015,

Hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 40/2021/HS-ST ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Chuyển hồ sơ vụ án về Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre để điều tra lại theo quy định chung.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Ngọc H cho đến khi Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre thụ lý lại hồ sơ vụ án.

- Về án phí: Bị cáo Nguyễn Ngọc H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- TAND TP. Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND tỉnh Bến Tre; (1)
- Công an tỉnh Bến Tre; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre; (1)
- Cục THADS tỉnh Bến Tre; (1)
- Trại giam Ca tỉnh Bến Tre; (2)
- Lưu: VP, HS, THUY 14b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Văn

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Công Mười – Chung Văn Kết

Lê Thành Văn